

PL. 2556 - 2012

TAM QUY
&
NGŨ GIỚI

Tôn sư Hải Triều Âm giảng

Ý NGHĨA TAM QUY

Đức Phật kể chuyện: Ông trưởng giả có 4 người bạn. Với bạn I ông chịu chuộc. Muốn ăn được ăn, muốn áo được áo. Cho đến muốn đi chơi ông cũng lo xe kiệu cho đi chơi.

Ông thương quý bạn II không rời. Hơi xa vắng ông liền sợ hãi lo âu.

Bạn III, ông coi như ruột thịt tay chân. Bạn vui, ông an tâm. Bạn buồn, ông chia sẻ. Mong cho bạn tất cả phú quý vinh hoa hạnh phúc.

Chỉ có bạn IV, nếu anh đến thì ông cũng tiếp chớ không đến nỗi nào. Nếu anh không đến thì ông còn bạn phụng

sự ba người bạn kia, đâu có thời giờ để đi tìm anh.

Chợt vua cho lính tới bắt trưởng giả bỏ ngục. Bạn I tuyên bố bất lực chẳng giúp được gì. Bạn II lạnh như tiền đi chơi với người khác. Bạn III khóc như mưa, đưa trưởng giả tới cửa quan. Lại tru tréo lên khóc nữa nhưng rồi cũng trở về nhà. Ai cũng có nồi cơm phải nấu, manh áo phải may, đâu có thể đứng mãi đấy. Chi chi rồi cũng thành dĩ vãng, thành không. Chỉ có bạn IV len lỏi vào tới cung vua, xin cho trưởng giả trắng án.

Phật dạy tất cả chúng ta đều có bốn người bạn này. Bạn I là tấm thân yêu quý. Nó đòi ăn mặc, tắm rửa, đòi nhà cửa, giày dép... đòi cả trăm thứ. Nhất nhất ta trọn đời tận tình phụng sự. Nay vâng lời Phật, chúng ta hãy nhìn lại xem, thân này là cái gì?

Hư không chẳng sáng thì tối. Tinh thần chúng ta chẳng tỉnh thì mê. Mê đến nỗi theo nghiệp vào tử cung mẹ. Uống máu tanh hôi, kết làm da thịt, thành bào thai tự nhận là thân thể. Mẹ do ăn cơm uống nước mới có máu cho ta. Nay ra khỏi bụng mẹ rồi, ta cũng ăn cơm uống nước, tự chế tạo ra máu để tự nuôi thân. Vậy toàn thân ta là máu, máu từ cơm gạo thành. Gạo từ cây lúa mà có, cây lúa từ đất mọc lên. Vậy cơm gạo tức là đất, ta mượn đất làm thân. Của đi vay ắt có ngày phải trả. Ai đã ăn cơm để sống quyết có ngày phải trả thân về đất. Ta gọi chết là đại hạn.

Bạn II là tiền bạc. Trọn đời chúng ta lo kiếm tiền. Đồng tiền là nơi nương tựa. Vắng bóng nó, chúng ta lo âu sợ hãi, nhưng tới ngày đại hạn nó làm gì cho ta? Nó lạnh lùng sang tay người khác.

Bạn III là cha mẹ, vợ chồng, anh em, con cháu, họ hàng, bạn bè. Tên nó là Tình Ái. Thế gian cho người không có bạn này là kẻ cô độc, cô quả, bạc phước, không nơi nương tựa. Nhưng hỏi ngày đại hạn, con cháu làm gì cho cha mẹ? Chúng nó đau xót lắm, nước mắt như mưa, đưa cha mẹ tới mộ địa, chấp tay ba xá. Nhất từ vạn kiếp chia ly, vĩnh viễn không bao giờ gặp nhau nữa.

Bạn IV là tâm từ thiện. Vua Diêm Vương thấy trong tâm thức chúng ta lấp lánh ánh sáng từ thiện thì đâu dám bắt. Hẳn phải vội vàng đón rước cung nghênh tiễn thỉnh lên cảnh giới Thánh Hiền.

Thiện ác tuy từ tâm khởi nhưng phải đợi các duyên tịnh nhiễm. Chúng ta đã mê muội đến nỗi chui vào tử cung mẹ, hút máu nhơ, quyen chặt làm thân. Ngạc nhiên gì chẳng thiếu sáng suốt

đến nỗi Thiện thấy ra Ác, Ác thấy ra Thiện. Đức Phật xuất thế để nhắc nhở chúng ta quan tâm đến bạn IV.

Ngài vạch sẵn cho chúng ta một con đường gọi là đạo Phật. Đạo là tiếng Tàu. Việt Nam dịch là đường đi. Phật là tiếng Ấn Độ. Việt Nam dịch là giác tỉnh, là sáng suốt, là trí tuệ.

Từ Sài Gòn lên Đà Lạt, chúng ta đi nhanh chóng dễ dàng lại quyết chắc đến nơi vì đã có một con đường vạch sẵn. Đường đời như thế, đường đạo cũng vậy. Nhưng đường đời ở ngay trước mắt. Còn đường đạo ở đâu? Ai cũng biết đạo Phật tu tâm. Tâm không hình không sắc nhưng thật vẫn hiện tượng trên lời nói và hành động. Vâng lời đức Phật, chúng ta dùng khẩu nghiệp và thân nghiệp để luyện tâm.

Người theo đạo Phật, miệng không nói dối, không hai lưỡi, không thêu dệt, không ác khẩu. Chỉ nói lời hòa nhã chân thật, trí tuệ và từ bi.

*Miệng ta như đóa hoa sen,
Mỗi khi hé mở một phen thơm lừng.
Tiếng ta như tiếng chuông ngân,
Vang vang cảnh giác xa gần khắp nơi.*

Phật dạy: Không được sát sanh. Con gà cũng như ta, ăn bằng miệng, đi bằng chân, nhìn bằng hai mắt, nghe bằng hai tai. Cũng ruột gan tim phổi, khác gì chúng ta? Ta có phước hơn nó nên có sức mạnh và khôn ngoan hơn nó. Nếu dùng phước này để bắt nạt nó, cướp thịt xương nó, vui miệng trong chốc lát. Phước sẽ thành tội. Mai đây sẽ như nó, đem thân đền nợ miệng thiên hạ. Người trí tuệ sáng suốt dùng phước đức để hộ sanh phóng sanh nên phước đức còn

hoài. Vậ đệ tử Phật không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu. Rượu tuy làm bằng ngũ cốc trái cây nhưng khiến mê say. Mê si là gốc ác nên người học Phật, một giọt cũng không thấm môi.

Tóm lại, từ vô thủy chúng ta đã lầm lạc nên nay quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng, gọi là quy y Tam-bảo.

(*Quy*: quay về; *Y*: nương tựa; *Tam*: ba; *Bảo*: báu).

PHẬT nói đủ là Phật-đà. Tàu phiên âm là Bồ-đề. Anh phiên âm là Boddhi. Pháp là Bouddha. Việt Nam xưa gọi là ông Bụt. Bậc hoàn toàn trí tuệ vì đã dẹp sạch vô minh vọng tưởng, trở về sống với chân tâm bản tánh thường trụ ở khắp pháp giới. Ngài đã khám phá ra chân lý là tánh Phật, tất cả chúng sanh bản chất sẵn đủ.

PHÁP gốc chữ Phạn là Dharma, tức là những phương pháp tu hành, Phật đã phát minh để giúp chúng ta ra khỏi đường mê. Pháp gồm ba tạng Kinh, Luật, Luận.

TĂNG phiên âm từ chữ Phạn Shanga. Tàu dịch là hòa hợp chúng, nghĩa là một đoàn thể tu hành từ bốn người sắp lên, cống hiến trọn đời học pháp để thành Phật.

Trước hết chúng ta quy y TRỤ TRÌ TAM BẢO.

Trụ trì Phật bảo: Là xá lợi Phật hoặc hình tượng Phật để nhớ tới đức Thích Ca Mâu Ni đã hiện thân ở xứ Ấn Độ. Một vị Phật bằng xương bằng thịt, đã ghi một nét son rực rỡ trong lịch sử nhân loại, về nếp sống thanh cao, đạo

hạnh tuyệt vời, chứng tỏ một trí tuệ không thể nghĩ bàn.

Trụ trì Pháp bảo: Kho tàng giáo điển đầy đủ để giáo hóa từ thấp đến cao cho tất cả căn cơ, sở thích, hoàn cảnh, dắt dẫn từng bước, từ sơ tâm đến vĩnh viễn giải thoát an vui.

Trụ trì Tăng bảo: Tăng là hòa hợp. Học chúng ba thừa hòa hợp chung sống, đồng lấy việc tu chứng nhập Niết-bàn làm lý tưởng và mục đích. Tam thừa Thánh chúng, Thầy hiền bạn tốt, ai biết quay về nương tựa, thật là đại hạnh.

Ngôi Trụ trì Tam-bảo dạy chúng ta quỳ gối chấp tay ngưỡng cầu ngôi XUẤT THẾ TAM BẢO.

Phật bảo xuất thế gian: Mười phương ba đời tất cả những bậc chánh giác, đã đầy đủ lục độ vạn hạnh. Nhập diệu

trang nghiêm hải tức là từ bi cứu cánh (Giải-thoát đức). Viên mãn Bồ-đề nhất thiết chủng trí, tức trí tuệ cứu cánh (Bát-nhã đức). Quy vô sở đắc, khế hợp tánh chân bản hữu, tức là chân lý cứu cánh (Pháp-thân đức).

Hiện tại các Ngài thường trụ ở khắp mười phương. Tuy không hình không tướng nhưng oai thần cứu độ chúng sanh không lúc nào ngơi nghỉ.

Pháp bảo xuất thế gian: Là những công năng cõi gỡ vô minh, đưa chúng sanh lên Thánh địa. Vọng tâm là căn bệnh chính phát khởi phiền não, thúc đẩy ngũ dục, che mờ lương tri, khiến chúng sanh không thể nhận định chánh tà, thật giả, thiện ác. Phật sáng kiến ra những pháp quán như sổ tức để an hòa thân tâm. Bất tịnh, từ bi, nhân duyên, 18 giới v.v... dùng lý giải khai trí giác tỉnh.

Lại phát minh những phương pháp thực hành, dùng sự việc để hiển lý tánh như: Lục độ, giới luật, bốn vô lượng tâm v.v... Khiến mỗi Phật tử đủ phương tiện khí cụ, thực hiện hoài bảo tự giác giác tha, sớm đạt tới giác hành viên mãn.

Tăng bảo xuất thế gian: Các Thánh Tăng và các Bồ-tát đã thực hiện chương trình độ sanh vĩ đại của đức Phật, đã đạt tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đang cùng Phật kiến lập một nền giáo dục xuất thế, cho vạn loại hữu tình ở khắp pháp giới.

Nương ngôi Tam-bảo trụ trì, chúng ta tìm học ngôi ĐỒNG THỂ TAM BẢO để viên mãn pháp Tam quy, nghĩa là có lợi ích thiết thật trên đường giải thoát.

Phật bảo đồng thể: Tức là tánh thấy nghe hay biết không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng

không giảm. Mây mù chỉ che khuất chớ không tiêu diệt được vầng trăng. Gió thổi, mây tan, trăng vẫn sáng rõ. Phật tánh bị vọng tưởng, ác nghiệp, báo chướng trở ngại không thể hiển xuất diệu dụng. Nhưng vẫn thường còn bất biến. Chúng ta học Phật, như pháp tu hành, sẽ phát huy vô biên công đức.

Pháp bảo đồng thể: Từ bi hỷ xả, trí tuệ bình đẳng, nhân nhục thanh tịnh, tinh tấn, bá thí... đâu có thể mượn ở bên ngoài. Tâm chúng ta hằng sa tánh đức, chỉ cần đúng như lời Phật dạy mà khai thác thì cả pháp giới hữu tình đều được chung hưởng.

Tăng bảo đồng thể: Biết vạn pháp duy tâm. Biết tâm là chủ nhân ông trong pháp giới nên vận trí trở về chân lý cho đến khi Trí Lý hòa hợp đồng nhất.

Quy y đồng thể Pháp bảo là quay về nương tựa tâm mình. Quy y đồng thể Phật bảo là khai vận trí tuệ, phát huy giác ngộ. Quy y đồng thể Tăng bảo là đem chân trí soi chân lý. Sống hòa hợp với lẽ phải nên hằng thanh tịnh. Như thế Phật Pháp Tăng không ngoài tâm ta nên cũng gọi là NHẤT THỂ TAM BẢO.

Phật pháp lấy Nhất thừa làm cứu cánh. Đạo pháp Nhất thừa quan trọng ở chỗ tu nhân. Nhân khai phát trọn vẹn, đạt mục đích cứu cánh là chứng nhập Pháp-thân. Phật tánh là chánh nhân. Tu học là duyên nhân. Trí giác ngộ là liễu nhân.

Quy y Tam-bảo đích thực là quy y tự tánh chúng sanh. Chỗ thâm diệu của Phật Pháp khác với tất cả ngoại đạo chính ở chỗ này. Ngoại đạo chủ trương nương tựa một oai quyền ở ngoài. Phật

giáo dạy quy y bản tâm sẵn có của mình, hồi quang phản chiếu Như Lai Tạng Tánh.

Phật tử phải quy y cả ba ngôi trụ trì, xuất thế và đồng thể. Như lấy đức tướng Phật đối chiếu thân tướng mình. Lấy lời Phật dạy soi sáng tâm mình. Lấy Tăng làm mô phạm cho hành vi cử chỉ của mình.

Đức tướng Phật trang nghiêm, xét thân tướng mình làm sao sai khác? Pháp Phật từ bi hỷ xả, bình đẳng giải thoát. Phản chiếu lại tâm ta đã thể hiện được chút nào? Tăng cất ái từ thân, ly trần đoạn dục, miên mật chỉ quán, trọn đời phụng sự đại nghĩa. Còn ta phàm tâm tục hạnh đã đoạn xong chưa?

Nếu chỉ quy y Pháp và Tăng hoặc chỉ quy y Phật và Pháp gọi là phiến diện quy y, không viên mãn pháp quy y.

Nếu thâm tâm cung kính Phật, do căn bản từ Phật mà quy y Pháp, quy y Tăng thì vẫn đủ Tam quy. Ba ngôi Phật, Pháp, Tăng như ba chân của cái đỉnh, không thể thiếu một.

Hòa-thượng Thích Đức Niệm viết lời Tựa, kinh Thắng Man:

Trăm sông chảy về bốn biển nhưng nước biển chỉ có một vị mặn. Phật dạy trăm ngàn pháp môn nhưng giáo pháp chỉ có một vị giải thoát.

Phật ra đời không ngoài mục đích “khai thị ngộ nhập Phật tri kiến” cho chúng sanh. Nhưng vì căn cơ mỗi người mỗi khác nên Phật đã quyền tạm chia Nhất thừa thành ngũ thừa, tam thừa. Khiến tất cả nhân dân tùy trình độ đều được hưởng ích.

Vừa giác ngộ, dưới gốc cây Bồ-đề, Phật nói kinh Hoa Nghiêm làm đề tựa một đời giáo hóa. Cuối cùng Ngài kết luận bằng kinh Đại Niết Bàn. Trước sau vẫn chỉ một vấn đề: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nên đều có khả năng thành Phật.

Lời nói của Ngài đã thể hiện. Trải 3000 năm lịch sử, ai theo giáo pháp tu hành đã thành Thánh quả. Như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, từ xưa tới nay có tới ngàn vạn. Bên nữ cũng có bà Đại Ái Đạo, Liên Hoa Sắc v.v... Thậm chí những đại ác như Đề Bà Đạt Đa, A Xà Thế, Vô Não, v.v... cuối cùng đều có phần giải thoát. Các vương tử trọn đời vui nghiệp kiếm cung. Một khi biết tới đạo Phật, đã trở thành hiền nhân quân tử. Như vua A Dục của Ấn Độ, Đường Thế Tông bên Tàu, Thánh Đức Thái tử

xứ Nhật Bản. Đời Trần đời Lý, Việt Nam lấy đạo Phật làm quốc giáo, ngọn đèn đạo đức được thắp sáng, đã tạo thành một thời thịnh trị huy hoàng.

Phật pháp mục đích đem giải thoát cho tất cả chúng sanh. Nhưng cảnh vui cõi trời gây mê quá nặng. Nỗi khổ tam đồ tê liệt kiệt quệ hết khả năng. Duy chỉ có loài người đủ trí tuệ phát tâm Bồ-đề và có hoàn cảnh tu hành tiến tới Phật quả. Mất thân người rồi khó nói đến giải thoát.

Bước đầu vào đạo Phật là Tam quy Năm giới. Liệt vị Tổ sư đều công nhận: Tất cả biển khổ thế gian ngoài pháp Tam quy không cách nào cứu vớt. Tất cả an vui thế gian và xuất thế gian đều từ Tam quy ngũ giới mà kiến lập.

Tam quy ngũ giới là hai bước đầu tiên của chiếc thang chánh pháp đưa chúng ta lên lầu Vô-thượng-giác.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

NGŨ GIỚI

Đạo Phật có năm trình độ tu hành gọi là ngũ thừa:

I. NHÂN THỪA: Giữ 5 giới:

1. Không giết hại.
2. Không trộm cướp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói càn.
5. Không uống rượu.

Giữ được năm điểm này thì hiện đời thân người mà tâm cũng thật phẩm chất người. Nếu không giữ đủ năm giới thì kiếp sau sẽ đọa lạc về ba đường khổ là địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh.

II. THIÊN THỪA: Tu 10 thiện:

- a) Thân không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm.
- b) Miệng không nói dối, không hai lưỡi, không thù dật, không độc ác.
- c) Tâm không tham, sân, tà kiến.

Sau được sanh lên cõi trời.

III. TIỂU THỪA: Tu 4 trí tuệ quyết định:

- a. Biết thế gian luân hồi là biển khổ.
- b. Biết gốc khổ là do các phiền não tham sân si.
- c. Trừ sạch gốc khổ sẽ hết quả khổ, hưởng vui Niết-bàn.
- d. Tám chánh đạo là phương pháp diệt khổ luân hồi, chứng A-la-hán.

IV. TRUNG THỪA: Quan sát 12 nhân duyên là đường sanh tử. Ngược chiều sẽ chứng Bích Chi Phật.

V. *ĐẠI THỪA*: Minh tâm kiến tánh thành Phật.

Thân chúng ta là một bao máu mủ tanh hôi. Hàng ngày hai mắt ra ghèn, hai tai ra ráy, hai lỗ chảy mũi, miệng ra đờm dãi, chân lông ra cáu ghét mồ hôi, hai đường dưới ra phân tiểu. Thân đã như nhớp lại vô thường. Sanh già bệnh chết đau khổ. Sáu căn lãnh thọ cảnh trần, vinh nhục buồn vui nhọc nhằn cay đắng. Nhưng tương đối với địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh thì thân người là cõi thiện, là quý báu vô ngần. Nương thân người, chúng ta có thể tiến tu quả Thánh, vĩnh viễn thoát khổ.

Đọa lạc rồi cầu trở lên khó vô cùng. Phật ví như rùa mù trong biển cả mong gặp bọng cây. Thân người khó được như thế mà lại không bền. Bất chợt một cơn

gió độc, một bệnh hoạn, một sẩy chân vấp ngã... thế là vong mạng. Vậy nay đang được thân người, biết dùng nó làm bàn đạp tiến lên quả vị Thánh Hiền là có trí tuệ sáng suốt. Ngược lại thì khác gì kẻ đang ôm cái phao nổi ở giữa biển mà không cố gắng bơi vào bờ. Hẳn chỉ có nguy hiểm đợi chờ. Phật dạy đây là việc cần gấp như cứu đầu mình đang bị cháy. Không thể đợi lửa mà đi, đợi có thời giờ thông thả sẽ dập tắt.

Không giết hại, đời sau được quả báo sống lâu khỏe mạnh; không trộm cắp, đời sau giàu có, của cải không bị xâm hại; không tà dâm, đời sau thân tướng đoan chính; không nói càn, mọi người kính tin; không uống rượu, trí tuệ thông minh. Tròn năm giới, chẳng những lai sinh được thân người mà còn đủ 5 điều kiện hạnh phúc an vui. Nếu có

khả năng tu lên, càng tiến càng hay. Ngũ giới là căn bản, là thêm bậc thiết yếu của tất cả an ninh thế gian và xuất thế gian. Các Phật tử cần tự kiểm điểm. Nếu còn khiếm khuyết phần nào hãy lập tức tu sửa kịp thời. Mất thân người rồi, bao giờ lại có dịp tu hành. Liệt vị Tăng Ni có trách nhiệm chỉ bảo, nhắc nhở, khuyến tiến, để các Phật tử sống đúng chánh pháp.

Tạo nghiệp ác, rơi xuống ba đường dưới là điều đáng tiếc vô cùng, đáng thương lắm lắm. Phật, Bồ-tát đành không phương cứu vớt.

Hòa-thượng Thanh Từ dạy: “Đạo Phật cứu người ngay từ lúc gieo nhân khổ chớ không phải chỉ cứu quả khổ. Song khi cứu quả khổ ta được mang ơn

còn khi cứu nhân khổ ta thường bị người đời oán ghét”.

Hòa-thượng Quảng Bá dạy: “Phật đặt ra giới luật vì thương các con. Như đứa trẻ mù lại hay nghịch dại, ra đường chơi sẽ bị xe chẹt. Mẹ đặt chấn song ngăn cửa, khiến con an ổn trong nhà, đợi có thuốc hiệu nghiệm sẽ giải bệnh cho con, khiến được vĩnh viễn an vui.

Tất cả sáu đạo chúng sanh đều được thọ tam quy. Các Bồ-tát lăn lộn kết duyên với các nẻo luân hồi, đưa kẻ lạc hướng trở về chánh đạo. Địa ngục khổ suốt đêm ngày, đau đớn bức bách liên miên, khó khăn có được một tưởng niệm Thánh đức. Nếu có thể quy y Phật liền được hào quang tiếp dẫn. Súc sanh cũng như quỷ thần, tình nhiều tưởng ít, hoàn toàn chịu nghiệp thức kích thích, đắm đuối ăn ngủ, chơi giỡn, dâm dục, sân nộ,

không thể lóe một ánh sáng thiện từ, huống còn nói đến năng lực tự biết tự trị. Ngưỡng cửa sa đọa dễ vào bao nhiêu thì đi ra cũng khó bấy nhiêu.

Duy chỉ loài người trở lên mới có trí tuệ thọ trì giới luật. Những ai đã thọ năm giới nên vui mừng, tự biết mình có ngọc báu trong tâm. Cẩn thận, cẩn thận lắm mới được! Sơ ý một chút, một lời nói lỗi lầm cũng đủ vĩnh kiếp khốn khổ.

Luật Sadi kể chuyện: Một Tam tạng Pháp sư, nhân nghe một Tỳ-kheo già lão tụng kinh, giọng ô ê, liền giễu cợt: “Ông tụng kinh như chó sủa”. Chỉ vì ngứa lưỡi một lời không đâu như thế mà phải làm chó 500 đời liên tiếp. Thân cuối cùng vì ăn vụng bị chủ chặt cả bốn chân, ném vào hố rác. Ngài Xá Lợi Phất đi qua, cho chó ăn cơm, thuyết pháp thức tỉnh. Chó chết, đầu thai vào nhà trưởng giả. Lên 7

tuổi, thấy ngài Xá Lợi Phất đi khát thực, mời vào nhà, xin cha mẹ cho xuất gia theo ngài. Sau chứng quả A-la-hán. Nếu không phải là bậc thiện căn phúc đức sâu dày thì biết bao giờ mới có ngày góc đầu lên được.

Phật đặt ra lệ bố tát vì con người bạc phước hay quên, khó khăn giữ được thiện nguyện. Mỗi tháng hai kỳ, ngày rằm trăng sáng và 30 trăng tối, các đệ tử đã thọ năm giới phải đến chùa cầu nghe giới. Bố tát, Tàu dịch là Trưởng Tịnh (trưởng dưỡng công đức, tịnh trừ phiền não), là ngày ta xem lại giới phẩm của ta. Nếu lỡ có khiếm khuyết phải sám hối ngay. Chớ có lưỡi biếng buông lung coi thường. Tánh đức tuy ai cũng ngang bằng Như Lai song vọng thức đã sanh vọng tình, biến đủ 84.000 trần lao phiền não. Chỉ trừ Bồ-tát giáng thế còn ai

cũng mê cả. Tâm mê dễ phát nghiệp. Cũng mang tai mắt con người đầy nhưng khác nhau xa lắm. Có cái thân thắm nhuần đạo đức. Mỗi lời nói mỗi cử chỉ là một Thánh sự. Có cái thân trần phàm ma quỷ. Lòng ngực chứa toàn tham sân tà kiến. Nếu không có giới luật của Phật thì hầu hết chúng ta đều thuộc loại số 2. Kinh dạy: Đại thừa Bồ-tát mới thật sự là Phật tử. Xuất gia mới hướng về Thánh quả chỉ là danh tự Phật tử.

Chăm sóc hồi, chăm nghe giới như trồng cây chăm làm cỏ, chăm vun tưới. Hàng ngày không thấy cây lớn nhưng ngày qua tháng lại sẽ có hoa thắm đầy cây, quả ngọt trĩu cành. Cứ thủ thường mà đều đều bước. Không tham lam vội vàng cầu nhiều giới. Quá lực không giữ nổi sanh chán nản dễ sa đọa. Chưa từng thấy trời đất có 5 - 6 tháng xuân một

lúc, để lại cho cây nghỉ khai hoa vài mùa. Thiếu nhịp nhàng điều hòa, đời sống không thể vững lập. Giới đức cũng vậy. An nhàn thư thái mà tu hành. Còn ở tại gia, chớ tưởng mình xa Thánh đạo. Cốt yếu giữ vững đường chính. Sĩ nông công thương đều là Bồ-tát nghiệp. Tài thí, pháp thí, bao nhiêu cơ hội hành đạo. Đã có giới lại phát tâm quảng đại từ bi thì có thể tiếp dẫn cho cả chư thiên bách thân. Biết vậy để mà cố gắng, chẳng nên cậy mình, khinh người chưa thọ giới.

Giới có 5 khoa:

I. Giới pháp: Của đức Tỳ Lư Giá Na.

II. Giới thể: Do Thầy truyền trao.
Hoạn nạn nguy hiểm dù mất thân cũng

không bỏ. Lấy giới làm thể chất mạng sống nên gọi là giới thể.

III. Giới tướng: Hành động nói năng, oai nghi đúng pháp.

IV. Giới hạnh: Ông quan không làm phận sự thì bị cách chức. Thọ giới không thật hành thì mất giới.

V. Giới phẩm: Chức sắc, phẩm tước xuất thế gian.

Kinh Quán Đỉnh và Luận Pháp Uyển Châu Lâm chép danh hiệu 25 giới thân:

I. Năm thần hộ giới không giết hại.

1. Sái Sô Tỳ Dũ Xa Ni trừ tà ác yêu tinh.
2. Du Da Lợi Du Đà Ni ủng hộ sáu căn mạnh đủ.

3. Tỳ Lâu Già Na Ba điều khiển bình hòa năm tạng (tim, gan, phổi, thận, lá lách).
4. A Đa Long Ma giúp huyết mạch lưu thông.
5. Ba Na Hoàn Ni Hòa Ba bảo hộ tay chân và các móng.

II. Năm thần hộ giới không trộm cắp.

1. Đề Ma A Tỳ Bà Đà khiến ra vào đi lại được an ninh.
2. A Tu Luân Bà La Đà ủng hộ cho ăn uống ngon miệng.
3. Bà La Ma Đàn Hùng Thư hộ vệ giấc ngủ an ổn.
4. Bà La Môn Địa Bộ Đa trừ các thứ sâu độc, khiến các loài có nọc độc tránh xa.
5. Na Ma Hu Đá Đa Sa trừ các thứ độc sương gió nắng mưa.

III. Năm thần hộ giới không tà dâm.

1. Phật Đà Tiên Đà Lầu Đá trừ khẩu thiệt.
2. Bé Xà Na Tấu Đa Xa trừ quỷ ôn dịch.
3. Đát Mễ Hê Đà Đa Đa giúp các việc quan lại được hanh thông.
4. A La Đa Lại Đô Da hộ trì nhà cửa.
5. Ba La Na Phật Đà bình định tám thần trong nhà.

IV. Năm thần hộ giới không nói càn.

1. A Đề Phạm Dã Xan Da trừ ác quỷ ở mồ mả.
2. Nhân Đà La.
3. A Đà Lam Thi Bà Đa trừ thần ngoại khí.
4. Phật Đàm An Na Đa Đá trừ hỏa tai.
5. Đa Lại Xoa Tam Hát Đà trừ trộm cướp.

V. Năm thần hộ giới không uống rượu.

1. A Ma La Tứ Đâu Hy trừ hổ lang.
2. Na La Môn Là Đâu Đế giúp tránh thần chết.
3. Tát Bê Ni Càn Na Ba khiến các tiếng kêu của cú, cáo v.v... không làm tổn hại.
4. Đồ Bệ Xà Tỳ Xá La trừ những biến quái của chó chuột.
5. Đà Ma Tỳ Na Xà Ni Khư đề phòng các quan âm ghi chép.

Ngày xưa ngày xưa, ở một nước kia, nhà vua bắt buộc nhân dân phải giữ năm giới. Một người bạn ở nước khác về chơi, vô tình đem một chai rượu biếu Lam Xoa. Lam Xoa nể bạn, cùng nhau ăn uống. Tai

vách mạch rừng đem chuyện đến vua. Lam Xoa bị trục xuất ra khỏi nước.

Lang thang đi mãi, tới mé rừng nọ, trời sụp tối. Cây cối như thêm rậm rạp trong bóng đêm chập trùng.

May sao, xa xa le lói ánh đèn. Mừng quá, Lam Xoa vội tới gõ cửa xin ngủ đõ. Có tiếng trong nhà vọng ra: “Đây là nhà yêu tinh. Nó mà thấy thì ông mất mạng”. Giật mình, Lam Xoa vội lùi bước. Rừng sâu thăm thẳm mịt mù. Biết chỗ nào không có hùm beo rắn rết. Lam Xoa trở lại, liều gõ cửa. Chủ nhân là một công chúa bị yêu tinh bắt về làm vợ đã mấy năm. Cô cho Lam Xoa ăn no. Gần tới giờ yêu tinh về, cô bảo Lam Xoa ngồi vào trong một cái cồng lớn. Cô đập nắp những lo yêu tinh đánh hơi biết được thì nguy cả. Dong đèn chờ yêu tinh mãi tới sáng,

chẳng thấy yêu tinh về. Công chúa mở nắp cồng cho anh chàng tốt số trèo ra.

Tiền khách nắm cơm ít muối xong, cô quay vào lo việc nội trợ. Đến tối yêu tinh về, công chúa hỏi: Sao bữa qua không về? Đáp: Hôm qua trong nhà có đệ tử Phật, người này đã thọ giới, mấy chục ông thần theo hộ nên tôi không dám vào. Từ nay chớ cho đệ tử Phật vào nhà, kẻo tôi mất về đấy!

Đi mãi vẫn chẳng ra khỏi rừng, Lam Xoa nghĩ: “Ta nên trở lại rủ công chúa đi tìm cha mẹ”. Gặp lại Lam Xoa, công chúa kể chuyện yêu tinh sợ anh vì anh là đệ tử Phật. Lam Xoa mừng lắm, mang ngay điệp phái ngũ giới có dấu son đỏ chói lóa mắt, dán ở ngoài cửa. Yêu tinh biết điều thì chớ có bén mảng! Anh khuyên công chúa cùng anh kết nghĩa vợ chồng rồi cùng nhau đi tìm cha mẹ.

Anh chọn con gà to nhất của yêu tinh, làm thịt để tế tờ hồng, cầu trời đất chứng minh. Công chúa lấy vàng bạc của yêu tinh ra, cùng nhau bàn tính phần nào tậu ruộng, phần nào làm nhà.

Vô tình, hữu tình ở cõi Ta Bà lạng lẽ chuyển biến, sát na sát na sanh, sát na sát na diệt, bóng tối nhẹ nhàng phủ kín non sông. Yêu tinh gọi cửa. Tiếng the the như gió thét trong rừng khuya. Hốt hoảng, Lam Xoa chạy tọt vào cồng. Công chúa vội dậy nắp. Định lê ra mở ngõ nhưng sợ quá, ngã lăn xuống đất, chết ngất. Yêu tinh nóng ruột, đấm cửa tưởng vỡ nhà.

Trong chum, Lam Xoa suy nghĩ không biết làm sao yêu tinh lại dám về. Lá điệp ngũ giới rõ ràng anh đã dán kỹ ở cửa. Giới thân đâu mà để cho yêu quái hoành hành như vậy?

Nghĩ tới giới thân, anh sực tỉnh. Anh đã phạm những gì? Đồ vợ người làm vợ mình, dù là vợ yêu tinh, cũng là bất chính (tà dâm). Rủ nhau chiếm đoạt của yêu tinh (ăn trộm). Bàn tay anh đã nhuộm máu gà (giết hại). Miệng anh đã nhiều lời không đúng sự thật khi tự thuật về thân thế với công chúa (nói dối). Còn giới cấm uống rượu thì anh đã phạm từ ở nhà. Vậy còn giữ được giới nào mà mong thần ủng hộ? Anh toát mồ hôi. Cái chét cầm chắc trong tay, cái chét đê hèn xấu xa, dưới bàn tay yêu quái, vì sát đạo dâm vọng.

Năm điều trong trắng anh vẫn giữ từ tấm bé. Mà nay, phút chốc mê si, anh đành để ma tà cắt đứt đời sống đang tuổi xanh tươi khỏe mạnh. Hình ảnh mẹ anh hiền hậu ngồi niệm Phật. Khói nhang

nhẹ cuốn trên bàn thờ. Đêm nay, giờ khắc này, mẹ đang cầu nguyện cho con...

Anh hối hận vô cùng. Kiếp này dành lỡ. Chết là đáng! Anh không khóc, chửi tử cường tráng vụt nở bùng. Anh thề thệ thế sinh sinh sẽ giữ tròn giới luật, thế thế sinh sinh tu Bồ-tát nghiệp. Quyết mang hết tâm lực cứu giúp thức tỉnh những ai còn lạc hướng. Nguyện rồi, thư thái, anh nhắm mắt niệm Phật, đợi giờ trả nghiệp. Anh niệm Phật thật lâu, lâu lắm, tha thiết niệm, không bận lòng gì đến thời khắc hoàn cảnh.

Ngoài rừng chim ríu rít gọi đàn. Muôn vật tưng bừng đón ánh bình minh, quên hẳn những lo âu của đêm tối. Anh lấy làm lạ. Sao yêu tinh chưa vào? Anh nâng nắp cồng đứng dậy.

Trên bàn, mâm lễ tơ hồng vẫn còn nguyên. Công chúa nằm xoài dưới đất.

Cửa ngõ vẫn đóng. Lam Xoa chột hiểu. Đồng thời, lúc anh tỉnh ngộ sám hối, giới thân đã trở về. Ma tà phải tránh. Nhờ đã nghĩ tới giới hạnh, anh thoát nạn yêu tinh. Anh lại được nối tiếp đời sống trong trẻo sáng tươi cường dũng. Anh lấy nước gừng đổ cho công chúa tỉnh, nói cho công chúa biết chí nguyện của mình. Công chúa xin anh đưa đến nơi có Tam-bảo để được quy y ánh sáng trí tuệ thanh tịnh và từ bi.

Đổi niệm phu thê thành tình huynh muội, hai anh em mở cửa phóng sanh cho dê heo về rừng. Vòm trời xanh thăm thẳm, lấp lánh những tia nắng kim cương. Tay không, lòng vui vẻ, hai người con Phật nhanh chân trên bước đường về. Dưới khí ấm của mặt trời, trên hơi mát của nước trong, vài chiếc lá non

nho nhỏ màu ngọc thạch báo trước một mùa sen mới sẽ khai hoa.

Một thuở nọ, đức Thế Tôn an cư ba tháng tại tinh xá Kỳ Hoàn, ở thành Xá Vệ cùng với các đại Tỳ-kheo. Một đêm, hai thiên tử hào quang sáng rực tới đỉnh lễ Như Lai, nghe pháp, ngộ lý vô sanh, chứng Tu-đà-hoàn, lễ tạ rồi bay về thiên cung. Ngài Anan thỉnh Phật cho đại chúng biết hai thiên tử đã tu hạnh gì mà được thân tướng trang nghiêm như thế.

- Thời Phật Ca Diếp, Phật Pháp đã diệt, có hai Bà-la-môn thọ Bát Quan Trai giới. Một người nguyện sanh lên trời nhưng vì giới phẩm không tròn nên dọa làm rồng, ở ngay tại quốc độ ấy. Ông kia cầu làm nhân vương. Vì giới phẩm tinh nghiêm nên mệnh chung như nguyện sanh vào cung vua làm thái tử. Lớn lên

kế nghiệp vua cha, quốc gia thịnh trị thái bình. Một hôm, trong ngự uyển, một trái cây lạ, mùi thơm ngào ngạt, nổi lên trên mặt giếng. Quan coi vườn vội dâng vua. Vua ăn thấy ngon ngọt kỳ diệu, đòi nữa. Quan coi vườn thưa: “Đây không phải trái trong vườn mà từ nước giếng nổi lên. Chỉ có một trái”. Vua cho là nói láo, nổi giận, dọa chém đầu. Quan về bờ giếng tủi thân ngồi khóc. Bỗng một con rồng ngóc đầu lên khỏi mặt giếng, nói tiếng người: “Thôi đừng khóc nữa. Ta dâng cho vua nhà ngươi một mâm trái cây. Vua phải cho ta bản kinh Bát Quan Trai. Hẹn 70 ngày mà không có, ta sẽ dâng nước ngập lụt khắp nơi cho vua quan nhà ngươi chết sạch”.

Vua hết sức lo rầu vì không tìm đâu ra kinh Bát Quan Trai để nộp cho rồng. Loan báo toàn dân biết quốc nạn. Một

lão ông từ miền cao nguyên về triều đình, trình rằng: “Chùa làng có cây đa cổ thụ, lâu lâu hiển ánh sáng. Dân chúng lớn lên đã thấy việc này nên chẳng cho là lạ. Nay vua cầu bấu hiếm, xin cho các quan về tìm ở đó xem sao”. Quả nhiên sau ba ngày cả nước khẩn cầu, người ta tìm thấy trên cây đa, trong một cái hốc sâu, một hộp đá trong có cuốn Nghi Thức Thọ Giới Bát Quan Trai.

Vua bày hương án đón kinh, sai đại thần sao lại một bản. Rong được kinh, như pháp tu hành, chuyển sanh được về cõi trời. Vua cũng được kinh, bắt tất cả nhân dân cùng tu trai pháp. Mệnh chung đồng về cõi trời, hai thiên tử ngày nay chính là hai Bà-la-môn thời Phật Ca Diếp.



Kể từ khi Kondadhana thọ giới Tỳ-kheo, mỗi khi ra đường, liền có một cô gái theo bèn gót. Ai ai cũng thấy. Đến nỗi thí chủ để bát cho Thầy, muông thứ nhất nói: Đây là phần ngài. Muông thứ hai nói: Đây là phần cô bạn ngài.

Đại chúng rất công phần, đã bạch Phật nhiều lần. Phật chỉ gạt đầu rồi bỏ qua. Không thể chịu nổi, người ta yêu cầu trưởng giả Cấp Cô Độc can thiệp. Trưởng giả không dám. Không còn cách nào hơn, vua Ba Tư Nặc cho lính đột xuất bao vây tinh xá. Vua cho thỉnh Thầy ra nói chuyện. Rõ ràng cô gái đi theo sau. Vua không đành lẽ, mời Thầy trở vào phòng để được nói chuyện riêng với một mình Thầy. Nhưng cô gái cứ theo sau Thầy. Thầy vào trong phòng thì cô gái biến mất. Vua sai quân lính lục soát khắp trong ngoài phòng không

thấy cô gái. Vua hỏi: “Bạch ngài, cô gái vừa đi sau ngài nay đâu rồi?”.

- Bần đạo chẳng thấy ai.
- Chính mắt trẫm thấy một phụ nữ đứng sau ngài mà!
- Bần đạo không biết.

Thầy bực mình trả lời rồi bỏ đi ra. Lập tức cô gái theo sau lưng Thầy. Vua mời cả hai trở vào. Thầy vào phòng. Cô gái biến mất. Ba lần thử đều như vậy. Vua hiểu vì sao Phật không quả trách Konda dhana. Biết Thầy phải chịu lắm khó khăn vì rắc rối này, vua thỉnh Thầy từ nay vào cung để vua cúng dường khỏi đi khát thực.

Các Tỳ-kheo tức lắm, có người lớn tiếng quả trách. Từ xưa Thầy vẫn nhẫn nhịn đủ thứ sỉ nhục. Nay vì đã được vua Ba Tư Nặc thông cảm, Thầy liền đáp:

“Chính các người phá giới”. Được dịp, các Tỳ-kheo liền cử tội hiềm mắng chúng Tăng. Phật nhóm chúng, kể rằng:

Thời Phật Ca Diếp, có hai Tỳ-kheo rất thân nhau. Ngày tự tứ, hai Thầy cùng về chúng. Một thiên tử cõi Dao Lợi khởi tâm trêu chọc. Chợt một Thầy đau bụng, bảo bạn đứng đợi rồi đi về bụi cây ở xa để đi sông. Công việc xong xuôi, Thầy từ bụi cây đi ra. Cũng từ bụi cây ấy đi ra, liền sau gót Thầy, một cô gái, một tay vén tóc, một tay nắm quần, tựa hồ mới làm việc ân ái. Đợi vị Tỳ-kheo ở xa kia trông thấy đủ rồi, cô gái mới ẩn vào đám cây mà biến đi. Khi Thầy đi sông về đến nơi, Tỳ-kheo kia liền nói: Anh phá giới, anh vào bụi cây với gái, chính mắt tôi trông thấy.

- Thưa, tôi đau bụng đi sông. Bụi cây giữa đường làm gì có gái.

Rốt cuộc đôi bên không thể nhìn mặt nhau. Thiên tử vội hiện thân người đến nói sự thật. Hai Tỳ-kheo mới chịu cùng nhau tiếp tục đi dự lễ.

Tình nghịch chơi đùa một chút như thế, thiên tử đã phải vào địa ngục một kiếp. Cô phụ nữ ngày nay chỉ là dư báo. Kondadhana hãy cẩn thận! Chớ tạo thêm khẩu nghiệp nữa. Mạ nhục chúng Tăng tội báo nặng lắm. Khổ mãi đến bao giờ mới xong. Phật nói kệ rằng:

Lời nói bất nhã sẽ có bất nhã đáp lại.

Đánh đập người sẽ bị đánh đập lại.

Giữ tâm bất động, im lặng như câm.

Mới hy vọng Niết-bàn!

Kondadhana sau chứng A-la-hán.

CÔNG ĐỨC TRÌ NĂM GIỚI

- Năm giới là nền tảng của tất cả pháp lành.

- Giàu sang, trường thọ, danh dự, lợi dưỡng, sanh thiên, thành Phật... chỉ việc trì năm giới ước nguyện gì cũng thành.

- Người trì năm giới, lâm chung, dao gió chẻ xương, cắt đứt gân mạch, vẫn không sợ hãi vì tự biết thanh tịnh.

- Đại ác bệnh, năm giới là thuốc.

Sợ hãi nguy hiểm, năm giới che chở.

Chết tối tăm, năm giới soi đường.

Biển khổ ác đạo, năm giới là cầu thuyền.

Già bệnh chết, chỉ nương giới định tuệ mà giải thoát.

- Không thân mạng, của báu dùng làm gì? Nên thân mạng quý hơn của báu. Nhưng bốn đại vô thường sẽ tan rã sau khi chết. Chỉ giới thể không mất.



Khách hỏi: Thế nào là ý Tổ từ Ấn Độ sang? Thiển sư Tánh Không đáp: Có người bị té xuống giếng sâu 1000 trượng, không một tác giây cứu tế. Đợi người ấy lên, tôi sẽ trả lời.

Khách đem việc này thưa ngài Đàm Nguyên, được một lời quở: “Kẻ si, ai ở dưới giếng?”.

Sau đến Quy Sơn. Quy Sơn liền gọi: Huệ Tịch!

- Dạ!

- Ra rồi! Ra rồi!

Khách tỉnh ngộ: Tôi ở Đàm Nguyên được danh, ở Quy Sơn được thể.

Bình luận: Huệ Tịch định ninh có người ở dưới giếng. Ngờ đâu bị gạt. Đàm Nguyên gõ cho bảo: Kẻ si! Ai ở dưới giếng? Huệ Tịch nhận được lý không người dưới giếng mà chưa thật thấy mình. Đến câu “Ra rồi” mới vỡ lẽ.

(Trích Lá Bồ Đề của Hòa-thượng Thanh Từ.)

LỜI PHỤ: Chúng ta đã biết độc ác vào địa ngục. Bỏ sên tham lam phải làm quỷ đói. Ngu si tà kiến chịu thân bàng sanh. Phật dạy trì năm giới để được thân người, tu mười thiện được sanh lên trời.

Vào địa ngục là đi đường hỏa đê, chịu nướng trong lò lửa, ninh trong vạc dầu. Thân quỷ là đi đường đao đê, đối

xử với nhau quanh năm bằng dao gươm dùi gậy. Bàng sanh đi đường huyết đỏ, ăn tươi nuốt sống lẫn nhau. Lại còn bị loài người phanh thây xé xác, chặt đầu mổ bụng.

Được thân người tương đối đỡ khổ nhưng vẫn già bệnh chết, sinh sống nhọc nhằn, ân ái biệt ly, oán thù gặp gỡ v.v... Được thân trời gọi là nơi sung sướng nghĩa là sáu căn suốt đời bị gậy mê, đợi chờ 5 tướng suy xuất hiện để lại trở về luân hồi các nẻo.

Cứ mê muội nhận sắc thân báo chướng là mình. Nhận sáu trần do sáu căn chiếu ra là cảnh có thật ở bên ngoài. Nhận thức tình khổ vui (thọ), yêu ghét (tưởng), thiện ác (hành), phân biệt (thức) là tâm ta. Ngài Tánh Không gọi cái vô minh mê muội ấy là giếng sâu ngàn trượng. Không một sợi giây cứu tế vì

chúng ta vẫn ở trong hầm vực sanh tử đó từ vô thủy. Nào có nghĩ đến giải thoát! Cho nên Tổ Sư mới phải từ Ấn Độ qua Trung Hoa thòng dây cứu vớt.

Đợi người ấy lên, tôi sẽ trả lời: Đợi khi nào ông tỉnh ra, ông sẽ tự biết. Hầm hố vô minh thật sâu nhưng không thật có. Đức Quán Tự Tại chiếu soi năm uẩn đều không, độ hết thủy khổ ách. *Người té:* Ngã chấp. *Xuống giếng:* Pháp chấp. Tu chứng rồi mới biết vô biên sanh tử từ vô thủy chỉ là giấc mộng đêm qua. Còn ở trong vô minh, chúng ta cứ dính ninh thân bốn đại là mình. Mừng giận yêu ghét là tâm ta. Nắng mưa vinh nhục là cảnh thật hiện tại của ta. Được ngài Đàm Nguyên đánh thức, Huệ Tịch ngộ được thân và giếng đều không. Nhưng phải đến Tổ Quy Sơn mới vỡ lẽ tánh Phật của mình bản lai vẫn viên thông tự tại.

Vì thế Tịnh-độ tông dạy niệm Nam mô A Di Đà Phật.

NIỆM: Nhớ đến không quên.

NAM MÔ: Quy y: quay về nương tựa.

A DI ĐÀ: Vô lượng quang, Vô lượng thọ, Vô biên công đức.

PHẬT: người đã hoàn mãn sự nghiệp giác tỉnh, không còn ở trong giấc mộng vô minh sanh tử. Cũng như đức Thích Ca, Phật A Di Đà đã thấy rõ bản lai chúng sanh nào cũng đủ đức tướng trí tuệ Như Lai. Nghĩa là ai cũng có tánh Phật (Vô Lượng Quang), không sanh không diệt (Vô Lượng Thọ), đều có khả năng thành Phật (Vô Biên Công Đức). Ngài phát 48 nguyện, đưa người niệm danh hiệu A Di Đà về cảnh giới bảo đảm quả vị Phật. Bởi vì nhận được tự tánh A Di Đà tức là Ra rồi! Ra rồi!

Kinh A Di Đà chỉ đòi ở người tu một điều kiện là nhất tâm bất loạn, một lòng sống với tánh A Di Đà. Không còn loạn tưởng là không còn tư vương đến năm uẩn (căn trần thức sanh tử). Nhà Thiền gọi là đả tâm thành một phiến. Phải quyết định buông hẳn những mơ mộng sanh tử, chiếu soi năm uẩn thật sự là không, trở về hoàn toàn với căn bản trí. Lăng Nghiêm gọi là thấy nghe bằng căn bản Bồ-đề. Kinh Pháp Hoa gọi là Phật tri kiến.

Niệm Phật A Di Đà, cầm xâu chuỗi 108 hạt là tuyệt đối sống với thật tướng diệu minh vô sanh bất diệt, không còn ở trong 108 thọ cảnh của căn trần thức.

$$6 \text{ căn} + 6 \text{ trần} = 12 ;$$

$$12 \times 3 \text{ thọ (khổ, vui, si)} = 36 ;$$

$$36 \times 3 \text{ thời (quá khứ, hiện tại, vị lai)} = 108.$$

VĂN KẾT

*Dịch dịch châu chuyển,
Lãnh lãnh ngọc chân.*

Dịch dịch: Theo duyên chuyển động thì hạt châu chân tánh biến đủ bốn Thánh sáu phàm.

Lãnh lãnh: Lặng lẽ thanh nhàn. Não phiền cùng từ lành đồng thể. Địa ngục rừng kiếm sánh với sắc bạch hào tướng quang. Quán Bát Nhã xét giả không thì tự an ổn. Tín ngưỡng chân không thì thấy được then chốt huyền vi của pháp giới.

Đức Địa Tạng nắm được ngọc chân rồi lại dịch dịch châu chuyển, đem diệu hữu độ quần mê:

Địa ngục chưa không, thê chẳng thành Phật. Chúng sanh độ tận, mới chứng Bồ-đề.

Ai đọc kinh Địa Tạng cũng thấy rõ ràng Bồ-tát chỉ dùng hai pháp môn Ngũ giới và niệm Phật để dạy chúng sanh phá địa ngục chứng Bồ-đề.



CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI

Soạn giả: Thích Minh Thông (báo Giác Ngộ).

1. **Thâu nhiếp vào Tăng.**
2. **Khiến Tăng hoan hỷ.**
3. **Khiến Tăng an vui.**
4. **Chưa tin khiến khởi lòng tin.**
5. **Đã tin khiến tăng trưởng.**
6. **Điều phục kẻ khó điều phục.**
7. **Người biết thẹn hổ được an vui.**
8. **Đoạn hoặc lậu hiện tại.**
9. **Đoạn hoặc lậu vị lai.**
10. **Khiến chánh pháp cửu trụ.**

GIẢI NGHĨA:

1/- Thâu nhiếp vào Tăng:

Giới luật là yếu tố cần thiết để một Tỳ-kheo làm mô phạm cho trời người, bước đi trên con đường giải thoát được vững chãi. Giới luật không phải là điều kiện gượng ép hay bó buộc mà hoàn toàn mang tính chất tự giác, tự phát nguyện thọ trì.

Thọ giới Tỳ-kheo là chính thức gia nhập Tăng số, là một thành viên ưu tú bước vào địa vị chúng trung tôn, một trong ba ngôi báu. Giới luật nghiêm cẩn tạo một môi trường an ổn vững vàng, bảo trì sự tồn tại của Tăng đoàn. Như thế gọi là nhiếp thủ ư Tăng (thâu nhiếp vào ngôi Tăng bảo, giữ gìn cho được vững bền).

2/- Khiến Tăng hoan hỷ:

Hương thơm của giới phẩm bay khắp mười phương. Dù ngược chiều gió vẫn lan xa. Trong kiếp sống vô minh, giới luật cần thiết như đi đêm cần đèn đuốc. Tăng già được tô đậm nét uy nghiêm thuần nhã. Uy tín ngôi Tam-bảo được nâng lên. Tai nghe mắt thấy một pháp khí, lòng người đã mừng rỡ bao nhiêu hướng chi được sống chung với các Thánh nhân, thật là một hạnh phúc hiếm có.

3/- Khiến Tăng an vui:

Tục ngữ có câu: “Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ”. Người xuất gia cắt ái từ thân, chung sống với các bạn đồng lý tưởng. Lỡ một Tỳ-kheo bị phiền não chế ngự, ba nghiệp theo ma. Phật bất buộc cả đại chúng phải răn nhắc,

khuyến tấn, dạy sám hối. Một người không thanh tịnh, cả chúng không được bố tát. Nếu vi phạm tới mức độ như thương tích nặng, chỉ cái cổ họng còn hơi thở, thì Tăng chúng phải hợp sức chữa trị. Nếu bị chặt đứt đầu rồi, thì chẳng những mất đi một phần-tử trong đoàn thể mà cả đoàn thể phải chung gánh chịu sự nhục mạ chê bai của thế gian. Thiếu quy củ nề nếp, giáo đoàn sẽ bị xáo trộn, trong nát rữa ngoài khinh rẻ. Nếu không chỉnh đốn kịp thời, sớm muộn cũng tan rã. Cho nên giới luật quan hệ vô cùng đến sự an ổn của đại chúng.

4/- Chưa tin khiến khởi lòng tin:

Ngọn đuốc chánh pháp toàn do Tăng Ni thấp sáng. Đây là nơi trông mong duy nhất của những chúng sanh không nơi nương tựa. Đang bị chìm đắm trong sông

mê biển khổ, vớ được con thuyền giác ngộ này, hẳn đem cả thân mạng phó thác.

Đức Phật nhập diệt đã lâu. Hình ảnh toàn trí toàn năng toàn thiện nay đã phai mờ. Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi, phạm hạnh thanh tịnh, có thể thay Phật tuyên dương giáo pháp. Hình tướng đoan nghiêm của Tăng bảo phát khởi lòng tin cho chúng sanh như những người chết đuối được thấy một lái thuyền khỏe mạnh đến cứu vớt. Giới luật khiến chúng sanh tin Tăng bảo là hình ảnh sống động của đức Phật, đảm đương trách nhiệm lèo lái con thuyền giải thoát. Những bài thuyết pháp khó được hưởng ứng nếu chính người nói đã bị quần chúng miệt thị. Phải có giải pháp kiện toàn Tăng sự mới có thể khiến người chưa tin khởi lòng tin.

5/- Đã tin khiến tăng trưởng:

Giới luật là bức chân song vững chắc. Hành giả do đây không tạo nghiệp sa ngã. Thân miệng ý thanh tịnh thì tâm an định. Kinh thường thí dụ: Nước lặng thì ánh trăng hiện rõ. Tâm định phát tuệ. Ba vô lậu học tuy mật thiết với nhau như đỉnh 3 chân nhưng Phật vẫn cho chúng ta tập dần, bắt đầu từ giới luật. Tuệ giác của Tỳ-kheo lấy khéo trì Thánh giới làm căn bản. Người đời gieo hạt giống chánh tín vào ruộng phước Tăng bảo hẳn là đầy đủ màu mỡ để hạt giống nảy mầm và phát triển. Lòng tin càng sâu dày vững chắc nếu được thấy Tăng Ni thanh tịnh hòa hợp, lời nói hành động đúng pháp. Họ sẽ không bị lung lay vì những phi báng hủy nhục của các ngoại đạo tà kiến. Nghiệp báo xấu xa của một vài cá nhân mục nát

không thể khiến họ thay đổi. Từ tín căn phát sanh tín lực, họ sẽ là những hộ pháp vững mạnh.

6/- Điều phục kẻ khó điều phục:

Giới luật là thước đo hành vi ngôn ngữ có đúng với thể thức của một vị Tăng không? Con người ương ngạnh, không chịu nhận tội, không chịu sám hối, Tăng không điều phục được. Đức Phật dạy đại chúng yết ma đuổi đi, không dung túng giặc ở trong nhà. Theo chế độ Tăng già, những quyết nghị này sẽ được nơi nơi tôn trọng. Người vi phạm không thể có chỗ dung thân. Những ai còn có chút tâm tu hành, chịu sám hối, chịu sửa đổi, thì Tăng chúng phải khuyên can, tận tình dẫn dụ, như pháp xử trị. Ngoan cố lắm mới đành bỏ

đi. Như thế gọi là điều phục người khó điều phục.

7/- Người biết thẹn hổ được an vui:

Biết thẹn hổ là biết tự trọng. Tham sân si là tánh của phàm phu. Sát đạo dâm vọng là nghiệp của thú vật. Người biết thẹn hổ tự biết mình là Phật nên chẳng để những duyên hèn làm ô lụy. Giới luật rất nghiêm chỉnh. Hơi chút vi phạm liền lo sợ như đang ôm phao nổi đi biển mà biết rằng chiếc phao của mình đã bị châm kim. Phải sám hối ngay mới an tâm. Những bậc này thấy ai sơ sót, dù chỉ chút oai nghi, cũng vội nhắc nhở. Bởi vì con mắt trí tuệ biết phao lủng không thể bền nên rất xót thương người lạc bước. Bao giờ đại chúng ai nấy đầy đủ giới luật, người biết thẹn hổ mới an vui.

8/- Đoạn hoặc lậu hiện tại:

Kinh Bát Đại Nhân Giác nói: “Vọng tâm là nguồn ác, vọng thân là rừng tội”. Tâm phàm phu đủ 8 vạn 4 ngàn phiền não. Ba độc tham sân si kích thích thân miệng ý tạo nghiệp đọa lạc. Phật đặt ra giới luật để câu thúc thân và miệng, ngăn chặn ác nhân, tránh ác quả.

9/- Đoạn hoặc lậu vị lai:

Không được hiện hành, các chủng tử mòn dần. Văn tư tu tuệ phát triển. Như người làm vườn trồng cây thì cỏ dại mất chỗ. Năng lực giới định tuệ vững chắc, hành giả bước lên đường giải thoát. Như thế gọi là đoạn vị lai hữu lậu.

10/- Khiến chánh pháp cứu trụ:

Đức Thế Tôn bắt đầu chế định giới luật khi các pháp hữu lậu phát sanh

trong Tăng đoàn. Các Tỳ-kheo dần dà bị danh lợi lôi cuốn, sống xa rời tinh thần giải thoát. Giới luật là hàng rào ngăn chặn những hư đốn, bảo vệ sự thanh tịnh hòa hợp khiến ngôi trụ trì Tam-bảo không bị hư hủy.

Đức Phật trao vận mạng Phật Pháp cho Tăng Ni, di chúc phải vâng thờ giới luật làm Thầy. Chỉ có giới luật mới hàng phục được ma quân trong ngũ trước ác thế. Những ai có hoài bão nối thịnh dòng Thánh, đền trả 4 ân cứu giúp 3 cõi, không thể không nghiêm trì giới luật.

Nguyện cầu Tam-bảo hưng long, pháp luân thường chuyển, mười phương chúng sanh đồng thành Phật đạo.



Tổ Châu Hoằng ở chùa Vân Thê tới cầu pháp ngài Biện Dung, được dạy: “Người nên giữ bốn phận. Không cầu danh lợi, đừng chạy theo duyên ngoài. Cần phân minh lý nhân quả, một lòng niệm Phật”.

Các bạn đồng hành cười: “Từ ngàn dặm đến đây mong nghe giáo nghĩa cao huyền, té ra chỉ được một câu mà ai cũng đã biết”.

Châu Hoằng đáp: “Đây mới là chỗ hay của Thiền sư. Biết ta từ ngàn dặm tới nên không nỡ nói huyền nói diệu để lấn lướt lờ người cầu học. Chỉ thật thà giản dị đem điều tinh yếu chính mình đã thể nhận để dặn dò”.

Chẳng phải bậc đã từng kinh nghiệm như ngài Biện Dung không thể có lời dạy này.

Chẳng phải bậc chân tu như Tổ Châu Hoằng đâu biết lãnh thọ lời dạy này.